

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU DẦU KHÍ VIDAMO

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

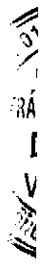
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Thanh Cảnh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 3/3/2011)
Ông Nguyễn Anh Toàn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 18/8/2010, miễn nhiệm ngày 3/3/2011)
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 1/1/2010, miễn nhiệm ngày 18/8/2010)
Ông Nguyễn Lê Minh	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 1/10/2010)
Ông Nguyễn Trí Dũng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 1/12/2010)
Ông Ngô Đức Dũng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 19/8/2009, miễn nhiệm ngày 1/12/2010)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trí Dũng	Tổng Giám đốc (Thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh tại miền Bắc và bổ nhiệm Tổng Giám đốc ngày 1/12/2010)
Ông Ngô Đức Dũng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 1/12/2010)
Bà Đặng Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/6/2010)
Bà Trương Thị Nga	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 5/10/2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

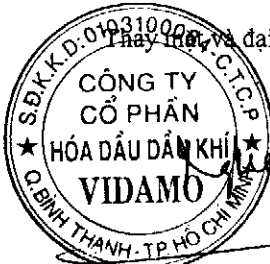
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Trí Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 4 năm 2011

Số: 568 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 18. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần vào ngày 19 tháng 12 năm 2009. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 106/2008/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính, Công ty phải lập báo cáo tài chính đến thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (19/12/2009). Tuy nhiên, để thuận tiện cho việc hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định kỳ kế toán đầu tiên của Công ty cổ phần sẽ từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ngày 30/8/2010.



Hoàng Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145/KTV

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 14 tháng 4 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Kiểm toán. Tư vấn Thuế. Tư vấn Tài chính. Tư vấn Giải pháp.

Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0395/KTV

Thành viên
Deloitte Touche Tohmatsu Limited

1031
ĐNG
3 PH
ĐẦU
DA
H-T

300.
TY
HỒ
TTI
NAM
TP.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

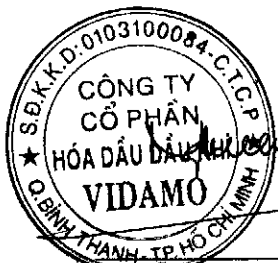
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		132.096.999.379
I. Tiền	110	5	29.858.419.929
1. Tiền	111		29.858.419.929
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.110.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	11.110.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.947.357.664
1. Phải thu khách hàng	131		25.377.425.813
2. Trả trước cho người bán	132		10.051.094.090
3. Các khoản phải thu khác	135		931.674.565
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(412.836.804)
IV. Hàng tồn kho	140	7	54.481.301.901
1. Hàng tồn kho	141		54.481.301.901
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		699.919.885
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		658.608.696
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		41.311.189
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		40.180.063.155
I. Tài sản cố định	220		10.617.272.627
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	8.751.527.312
- Nguyên giá	222		44.188.454.248
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.436.926.936)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	1.865.745.315
- Nguyên giá	228		3.066.978.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.201.233.285)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		400.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	400.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		29.162.790.528
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	29.094.790.528
2. Tài sản dài hạn khác	268		68.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		172.277.062.534

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		70.622.660.937
I. Nợ ngắn hạn	310		70.622.660.937
1. Phải trả người bán	312		31.624.387.831
2. Người mua trả tiền trước	313		58.380.750
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	3.738.936.558
4. Phải trả người lao động	315		138.634.472
5. Chi phí phải trả	316		466.994.546
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	34.497.984.532
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		97.342.248
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		101.654.401.597
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	101.654.401.597
1. Vốn cổ phần	411		89.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.901.869.859
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.752.531.738
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		172.277.062.534



Nguyễn Trí Dũng
 Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Bình
 Kế toán trưởng

Ngày 14 tháng 4 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		227.580.391.775
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		379.745.085
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	227.200.646.690
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	198.562.568.078
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		28.638.078.612
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.182.244.867
7. Chi phí tài chính	22		197.272.945
8. Chi phí bán hàng	24		8.903.499.954
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.237.552.344
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		12.481.998.236
11. Thu nhập khác	31		2.000.425.615
12. Chi phí khác	32		19.811.971
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	17	1.980.613.644
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.462.611.880
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	3.710.080.142
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		10.752.531.738
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	1.208



Nguyễn Trí Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 4 năm 2011



Nguyễn Trọng Bình
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

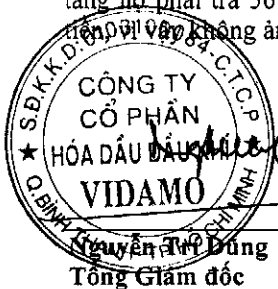
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.462.611.880
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	02	4.264.856.236
Các khoản dự phòng	03	412.836.804
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.183.467.088)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.956.837.832
Tăng các khoản phải thu	09	(22.498.650.938)
Tăng hàng tồn kho	10	(27.233.633.319)
Tăng các khoản phải trả	11	10.982.568.068
Giảm chi phí trả trước	12	1.168.304.649
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(133.580.363)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(514.950.112)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(23.273.104.183)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.546.431.637)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	7.260.000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.510.000.000)
4. Thu lãi tiền gửi	27	2.831.866.385
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.217.305.252)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	63.348.829.364
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	63.348.829.364
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	29.858.419.929
Tiền tồn đầu năm	60	-
Tiền tồn cuối năm	70	29.858.419.929

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Trong năm, Công ty tiếp nhận vốn từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam bằng tăng nguyên giá, khấu hao lũy kế của tài sản cố định, các khoản phải thu, hàng tồn kho và chi phí trả trước với giá trị tương ứng là 45.731.001.211 đồng, 32.320.554.038 đồng, 13.211.084.933 đồng, 27.247.668.582 đồng và 30.263.095.177 đồng tương ứng tăng nợ phải trả 56.579.255.370 đồng và tăng vốn 27.553.040.495 đồng. Đây là các nghiệp vụ không bằng tiền và không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền thuần trong năm.



Ngày 14 tháng 4 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU DẦU KHÍ VIDAMO

Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Hóa dầu Dầu khí Vidamo.

Công ty được cổ phần hóa vào ngày 19 tháng 12 năm 2009 và trở thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103100084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tại ngày này, Công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo tại Miền Bắc;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo tại Miền Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 107 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn, các chế phẩm bôi trơn chuyên dụng. Tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh, xuất nhập khẩu dầu mỡ bôi trơn. Sản xuất và kinh doanh các thiết bị phục vụ trong lĩnh vực dầu mỡ bôi trơn. Tư vấn và cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực dầu mỡ bôi trơn công nghiệp và dân dụng. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dung môi, hóa chất, hóa chất dầu (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nhựa đường. Đại lý kinh doanh xăng dầu bán buôn, bán lẻ. Kinh doanh vận tải xăng dầu đường bộ, đường thủy, đại lý kinh doanh LPG,...

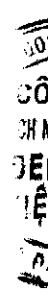
2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bắt đầu từ ngày 19 tháng 12 năm 2009. Tuy nhiên, để thuận tiện cho việc hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty quyết định kỳ kế toán đầu tiên của công ty cổ phần sẽ từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ngày 30/8/2010.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do đánh giá lại giá trị doanh nghiệp là giá trị còn lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê lô đất.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất Công ty đang thuê do đánh giá lại giá trị doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ 8 năm đến 50 năm tương ứng với thời gian thuê đất kể từ ngày cổ phần hóa doanh nghiệp.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU DẦU KHÍ VIDAMOSố 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty không ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN**31/12/2010****VND**

Tiền mặt

248.262.841

Tiền gửi ngân hàng

29.610.157.088

29.858.419.929**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN****31/12/2010****VND**

Ngân hàng TM CP Phát triển Nhà TP. HCM

10.000.000.000

Ngân hàng TM CP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh

Bình Thạnh (*)

1.110.000.000

11.110.000.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn này được dùng để đảm bảo cho việc phát hành thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng giữa VIDAMO và Xí nghiệp Liên doanh VIETSOVPETRO của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Thạnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010
	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	34.835.622.435
Công cụ, dụng cụ	1.064.784.647
Thành phẩm	16.434.241.566
Hàng hoá	<u>2.146.653.253</u>
	54.481.301.901
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>54.481.301.901</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU DẦU KHÍ VIDAMOSố 201 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH****NGUYÊN GIÁ**

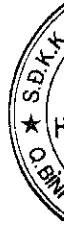
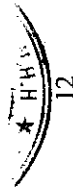
Số dư tại ngày 1/1/2010	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Tăng do nhận bàn giao từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam	25.593.662.980	11.431.862.990	3.204.201.982	371.765.431	2.062.529.228	42.664.022.611
Tăng do mua mới	-	-	1.533.995.273	12.436.364	-	1.546.431.637
Thanh lý	-	-	-	(22.000.000)	-	(22.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2010	25.593.662.980	11.431.862.990	4.738.197.255	362.201.795	2.062.529.228	44.188.454.248

GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ

Số dư tại ngày 1/1/2010	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Tăng do nhận bàn giao từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam	17.469.349.492	9.802.073.305	2.159.946.468	173.262.546	1.616.921.562	31.221.553.373
Khấu hao trong năm	2.050.188.883	1.142.790.628	890.384.782	92.060.839	55.910.652	4.231.335.784
Thanh lý	-	-	-	(15.962.221)	-	(15.962.221)
Số dư tại ngày 31/12/2010	19.519.538.375	10.944.863.933	3.050.331.250	249.361.164	1.672.832.214	35.436.926.936

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2010	6.074.124.605	486.999.057	1.687.866.005	112.840.631	389.697.014	8.751.527.312
Tại ngày 1/1/2010	-	-	-	-	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Gía trị quyền sử
dụng đất
VND

NGUYÊN GIÁ

Số dư tại ngày 1/1/2010

Tăng do nhận bàn giao từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam

Số dư tại ngày 31/12/2010

-

3.066.978.600

3.066.978.600

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại ngày 1/1/2010

Tăng do nhận bàn giao từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam

Khấu hao trong năm

Số dư tại ngày 31/12/2010

-

1.099.000.665

102.232.620

1.201.233.285

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số dư tại ngày 31/12/2010

1.865.745.315

Số dư tại ngày 1/1/2010

-

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Thạnh. Khoản tiền gửi này được dùng để đảm bảo cho việc phát hành thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo hành sản phẩm giữa VIDAMO và Công ty Điện lực Kiên Giang của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Thạnh.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất phát sinh từ việc xác định giá trị doanh nghiệp trước khi chuyển đổi.

31/12/2010

VND

Giá trị lợi thế vị trí địa lý tại số 201 Điện Biên Phủ

23.200.943.948

Giá trị lợi thế vị trí địa lý tại số 8 Nguyễn Thái Học,
Vũng Tàu

3.236.225.580

Giá trị lợi thế vị trí địa lý tại số 1 Nguyễn Bình Khiêm,
Hải Phòng

2.647.001.000

Phí khác

10.620.000

29.094.790.528

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

31/12/2010

VND

Thuế giá trị gia tăng

21.143.988

Thuế thu nhập doanh nghiệp

3.576.499.779

Thuế thu nhập cá nhân

47.776.666

Các khoản phí, lệ phí và thuế khác

93.516.125

3.738.936.558

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010
	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	134.769.122
Phải trả về cổ phần hóa (*)	29.433.615.629
Phải trả khác	4.929.599.781
	<u>34.497.984.532</u>

(*) Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, khoản phải trả về cổ phần hóa này vẫn chưa được Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam quyết toán.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phiếu

	31/12/2010	
	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>
Được phép phát hành	8.900.000	89.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	<u>8.900.000</u>	<u>89.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phiếu phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2010	
	<u>VND</u>	<u>%</u>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	55.773.000.000	62,67
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn Hà Nội	8.000.000.000	8,99
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	5.000.000.000	5,62
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu Khí	3.000.000.000	3,37
Cổ đông khác	<u>17.227.000.000</u>	<u>19,35</u>

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư tại ngày 1/1/2010	-	-	-	-
Góp vốn trong năm của cổ đông	89.000.000.000	1.901.869.859	-	90.901.869.859
Lợi nhuận trong năm	-	-	10.752.531.738	10.752.531.738
Số dư tại ngày 31/12/2010	<u>89.000.000.000</u>	<u>1.901.869.859</u>	<u>10.752.531.738</u>	<u>101.654.401.597</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau (Tiếp theo):

Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 9 tháng 9 năm 2009, Quyết định số 7489/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 9 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty và Quyết định số 9729/QĐ-DKVN ngày 3 tháng 12 năm 2009 của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Hóa dầu Dầu khí Vidamo thành công ty cổ phần, trong năm Công ty đã ghi nhận tăng phần vốn góp bằng tài sản và nợ phải trả từ Công ty TNHH MTV Hóa dầu Dầu khí Vidamo đối với phần vốn góp của Tổng Công ty Dầu Việt Nam là 55.773.000.000 VND và phần vốn góp của các cổ đông khác là 33.227.000.000 VND.

15. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2010
	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	
- Thành phẩm dầu mỡ nhờn	59.608.760.076
- Hàng hóa xăng dầu và dầu mỡ nhờn	167.283.773.547
- Hàng hóa và doanh thu khác	687.858.152
	<u>227.580.391.775</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	
- Chiết khấu thương mại	(361.540.085)
- Hàng bán bị trả lại	(18.205.000)
	<u>(379.745.085)</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>227.200.646.690</u>

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2010
	<u>VND</u>
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ:	
- Thành phẩm dầu mỡ nhờn	40.256.829.327
- Hàng hóa xăng dầu và dầu mỡ nhờn	158.287.657.798
- Hàng hóa và doanh thu khác	18.080.953
	<u>198.562.568.078</u>

17. LỢI NHUẬN KHÁC

	2010
	<u>VND</u>
Thu nhập khác	
Thu từ thanh lý tài sản	7.260.000
Thu nhập khác	1.993.165.615
	<u>2.000.425.615</u>
Chi phí khác	
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	6.037.779
Chi phí khác	13.774.192
	<u>19.811.971</u>
Lợi nhuận khác	<u>1.980.613.644</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2010
	VND
Lợi nhuận trước thuế	14.462.611.880
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	377.708.688
Thu nhập chịu thuế	14.840.320.568
Thuế suất	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.710.080.142

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty phải nộp là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận trong năm do không có chênh lệch đáng kể giữa tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được tính trong năm trên cơ sở các số liệu sau:

	2010
	VND
Lợi nhuận trong năm	10.752.531.738
Lợi nhuận dùng để chia cho cổ đông	10.752.531.738
Số cổ phiếu bình quân gia quyền	8.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.208

20. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, do việc quyết toán cổ phần hóa với Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam chưa hoàn thành nên khoản phải trả Tập đoàn liên quan đến cổ phần hóa của Công ty có thể thay đổi, hơn thế nữa Công ty có khả năng chịu lãi vay trên số tiền cổ phần hóa phải nộp về Tập đoàn. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty chưa xác định được số tiền phải trả cuối cùng cho Tập đoàn và Công ty có phải chịu lãi vay hay không và mức lãi suất vay là bao nhiêu.

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2010
	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	536.000.000

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010
	VND
Trong vòng một năm	454.368.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	605.824.000
	1.060.192.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 319,4 m² tại Lô 13, nhà M1, Khu đô thị mới Yên Hòa, thành phố Hà Nội với giá thuê là 2.000 USD/tháng. Hợp đồng thuê đất được ký trong thời hạn 3 năm tính từ ngày 14/09/2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2010 VND
Doanh thu	
Bán hàng cho PV Oil - Trụ sở chính	8.761.331.894
Bán hàng cho các công ty con, công ty liên doanh, liên kết thuộc Petro Việt Nam và chi nhánh trực thuộc PV Oil	<u>8.294.211.498</u>
Mua hàng	
Mua hàng hóa của PV Oil - Trụ sở chính	35.031.287.454
Mua hàng hóa từ các công ty con, công ty liên doanh, liên kết thuộc Petro Việt Nam và chi nhánh trực thuộc PV Oil	<u>91.259.418.094</u>
Khác	
Lợi nhuận và các quỹ phải chuyển trả cho PV Oil	<u>1.045.882.408</u>

Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	2010 VND
Lương và thưởng	<u>632.698.178</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	31/12/2010 VND
Phải thu	
Phải thu cổ phần hóa	640.499.054
Phải thu từ các công ty con, công ty liên doanh, liên kết thuộc Petro Việt Nam và các chi nhánh của PV Oil	<u>1.239.666.740</u>
Phải trả	
Phải trả cho PV Oil	773.173.530
Phải trả cho các công ty con, công ty liên doanh, liên kết thuộc Petro Việt Nam và các chi nhánh của PV Oil	<u>27.242.183.492</u>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	
Phải trả khác cho PV Oil	3.868.001.970
Phải trả về cổ phần hóa	<u>29.433.615.629</u>

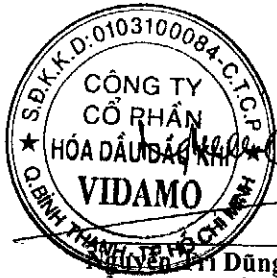
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Đây là báo cáo tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo từ khi được thành lập, do vậy không có số liệu so sánh.



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Bình
Kế toán trưởng

Ngày 14 tháng 4 năm 2011